

## THÔNG BÁO

### **Đăng ký xét tuyển vào các ngành đào tạo của Đại học Huế trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026**

Đại học Huế thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học để tổ chức tuyển sinh cho các trường đại học thành viên, các trường, khoa và phân hiệu thuộc Đại học Huế.

Hội đồng tuyển sinh đại học Đại học Huế thông báo việc đăng ký xét tuyển vào các ngành đào tạo của Đại học Huế trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026 như sau:

#### **1. Đối tượng tuyển sinh**

- Thí sinh là đối tượng quy định tại Điều 5 Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện xét tuyển theo quy định trong Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026 của Đại học Huế, chi tiết tại địa chỉ:

[https://tuyensinh.hueuni.edu.vn/News/Detail/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-cao-dang-he-chinh-quy-nam-2026-cua-dai-hoc-hue\\_20260501150542](https://tuyensinh.hueuni.edu.vn/News/Detail/thong-tin-tuyen-sinh-dai-hoc-cao-dang-he-chinh-quy-nam-2026-cua-dai-hoc-hue_20260501150542).

#### **2. Phạm vi tuyển sinh**

Đại học Huế tuyển sinh trong phạm vi toàn quốc và quốc tế.

#### **3. Phương thức xét tuyển**

Đại học Huế tuyển sinh theo 05 phương thức:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (XTT)
- **Phương thức 2:** Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT)
- **Phương thức 3:** Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp trung học phổ thông (HB)
- **Phương thức 4:** Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực (NL)
- **Phương thức 5:** Xét tuyển kết hợp (KH)

Cách thức và các điều kiện xét tuyển được quy định cụ thể trong Thông tin tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026 của Đại học Huế.

#### **4. Thời gian và hình thức đăng ký xét tuyển**

- Thời gian: Thí sinh đăng ký xét tuyển từ **ngày 07 giờ 00 ngày 23/5/2026 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026**.

- Hình thức: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống đăng ký xét tuyển của Đại học Huế tại địa chỉ: <http://dkxt.hueuni.edu.vn>

#### **Lưu ý quan trọng:**

- Thí sinh **phải đăng ký nguyện vọng** trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định để được xét vào các ngành đào tạo của Đại học Huế.

- Đối với chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng để quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ trong tổ hợp môn xét tuyển: (1) thí sinh khai báo trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hoặc (2) khai báo và tải minh chứng lên Hệ thống đăng ký xét tuyển của Đại học Huế tại địa chỉ: <http://dkxt.hueuni.edu.vn>.

- Các thí sinh thuộc diện được **cộng điểm** (điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích) theo quy định của Đại học Huế bắt buộc phải tải đầy đủ minh chứng hợp lệ lên Hệ thống đăng ký xét tuyển của Đại học Huế trong thời gian quy định.

- Đại học Huế không thực hiện cộng điểm đối với các trường hợp không nộp minh chứng; nộp minh chứng không đầy đủ, không hợp lệ hoặc nộp sau thời hạn quy định.

- Thí sinh chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đã đăng ký.

### 5. Lệ phí đăng ký xét tuyển

- Lệ phí: Thí sinh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 6. Một số mốc thời gian quan trọng

- Thí sinh (bao gồm thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định từ **ngày 02/7/2026 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026**. Đây là nguyện vọng chính thức để xét tuyển.

- Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến theo quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo thời gian từ **ngày 15/7/2026 đến 17 giờ 00 ngày 21/7/2026**.

- Thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1 (chính thức) **trước 17 giờ 00 ngày 13/8/2026**.

- Xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo **trước 17 giờ 00 ngày 21/8/2026**.

### 7. Kênh thông tin tuyển sinh

Thí sinh theo dõi thông tin tuyển sinh tại các kênh sau:

- Cổng thông tin tuyển sinh Đại học Huế: <https://tuyensinh.hueuni.edu.vn>

- Fanpage tuyển sinh: <https://www.facebook.com/tuyensinhdaihochue>

- Email: [tuvantuyensinhddh@hueuni.edu.vn](mailto:tuvantuyensinhddh@hueuni.edu.vn)

- Số điện thoại: 0234.3828.493

- Địa chỉ liên hệ: Ban Đào tạo và Công tác sinh viên Đại học Huế, số 01 Điện Biên Phủ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

### 8. Danh mục trường, ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh: (Phụ lục đính kèm)

#### Nơi nhận:

- Thông báo trên các phương tiện thông tin;
- Hội đồng tuyển sinh đại học;
- Các trường đại học thành viên;
- Các trường, khoa, phân hiệu thuộc Đại học Huế;
- Lưu: VT, ĐTCTSV. LTMH

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC  
Bùi Văn Lợi**

**Phụ lục****DANH MỤC TRƯỜNG, NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH CỦA ĐẠI HỌC HUẾ NĂM 2026***(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTSDH ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Đại học Huế)*

Số TT	Tên ngành/ Chương trình đào tạo	Mã ngành (Mã xét tuyển)	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Phương thức	Chỉ tiêu (Dự kiến)	Ghi chú	
<b>CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC</b>								
<b>I.</b>	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - Ký hiệu trường DHA</b>					<b>1400</b>		
1	<b>Luật</b>	7380101	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý 3. Ngữ văn, Lịch sử, GDCD 4. Ngữ văn, Lịch sử, GD KT&PL 5. Ngữ văn, Địa lý, GDCD	A00 C00 C19 X70 C20	XTT HB THPT	700		
2	<b>Luật Kinh tế</b>	7380107	6. Ngữ văn, Địa lý, GD KT&PL 7. Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh 8. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 9. Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh 10. Ngữ văn, GD KT&PL, Tiếng Anh	X74 D01 D14 D66 X78		700		
<i>Lưu ý: Môn Toán hoặc môn Ngữ văn trong tổ hợp môn xét tuyển phải đạt tối thiểu 6/10 điểm</i>								
<b>II.</b>	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - Ký hiệu trường DHF</b>					<b>2070</b>		
1	<b>Sư phạm Tiếng Anh</b>	7140231	1. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 2. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 3. Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh	D01 D14 D15	XTT HB THPT KH	200		

25	<b>Quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường</b>	7850105	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Sinh học, Hóa học 3. Toán, Địa lý, Tiếng Anh 4. Toán, Ngữ văn, GDCD 5. Toán, Ngữ văn, GD KT&PL	A00 B00 D10 C14 X01	XTT HB THPT NL KH	25	
26	<b>Khoa học dữ liệu</b>	7460108	1. Toán, Vật lí, Tiếng Anh 2. Toán, Vật lí, Ngữ văn 3. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 4. Toán, Ngữ văn, Tin học	A01 C01 D01 X02		40	
27	<b>Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông</b> (Chương trình Thiết kế vi mạch)	7510302IC	1. Toán, Vật lí, Hóa học 2. Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A00 A01		35	
28	<b>Vật lí học</b> (Chương trình Công nghệ bán dẫn)	7440102SC	3. Toán, Vật lí, Ngữ văn 4. Toán, Vật lí, Tin học	C01 X06		30	
<b>VIII.</b>	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC - Ký hiệu trường DHY</b>					<b>1690</b>	
1	<b>Y khoa</b>	7720101	1. Toán, Sinh học, Hóa học 2. Toán, Sinh học, Tiếng Anh 3. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	B00 B08 D07	XTT THPT KH	440	
2	<b>Răng - Hàm - Mặt</b>	7720501				160	
3	<b>Y học dự phòng</b>	7720110				70	
4	<b>Y học cổ truyền</b>	7720115				150	
5	<b>Dược học</b>	7720201				1. Toán, Hóa học, Vật lí 2. Toán, Sinh học, Hóa học 3. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	A00 B00 D07

6	<b>Điều dưỡng</b>	7720301	1. Toán, Hóa học, Vật lí 2. Toán, Sinh học, Hóa học 3. Toán, Sinh học, Tiếng Anh 4. Toán, Hóa học, Tiếng Anh	A00 B00 B08 D07	XTT THPT KH NL	270	
7	<b>Hộ sinh</b>	7720302				50	
8	<b>Dinh dưỡng</b>	7720401				50	
9	<b>Kỹ thuật xét nghiệm y học</b>	7720601				170	
10	<b>Kỹ thuật hình ảnh y học</b>	7720602				100	
11	<b>Y tế công cộng</b>	7720701				20	
<b>IX.</b>	<b>TRƯỜNG DU LỊCH - Ký hiệu trường DHD</b>					<b>950</b>	
1	<b>Du lịch</b> (Chuyên ngành Kinh tế và quản lý du lịch; Văn hoá và du lịch)	7810101	1. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý 2. Ngữ văn, Toán, Vật lí 3. Ngữ văn, Toán, Hóa học 4. Ngữ văn, Toán, Địa lý 5. Ngữ văn, Toán, GDCD 6. Ngữ văn, Lịch sử, GDCD 7. Ngữ văn, Địa lý, GDCD 8. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 9. Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 10. Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh 11. Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh 12. Toán, Ngữ văn, GD KT&PL 13. Ngữ văn, Lịch sử, GD KT&PL 14. Ngữ văn, Địa lý, GD KT&PL 15. Ngữ văn, GD KT&PL, Tiếng Anh	C00 C01 C02 C04 C14 C19 C20 D01 D14 D15 D66 X01 X70 X74 X78	XTT THPT HB KH	110	
2	<b>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</b> (Chuyên ngành: Quản lý lữ hành; Hướng dẫn du lịch)	7810103				340	
3	<b>Quản trị khách sạn</b> (Chuyên ngành: Quản trị khách sạn)	7810201				240	
4	<b>Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống</b> (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống)	7810202				90	